

Bản án số: 02/2018/DS-ST

Ngày: 22- 01- 2018

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Đông Thanh

- *Các hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền

Bà Phan Thị Mươi

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Xuân - Cán bộ Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 22 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận S xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 111/2017/TLST-DS ngày 06 tháng 10 năm 2017 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 114/2017/QĐST-DS ngày 11 tháng 12 năm 2017; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng N**; địa chỉ: Số 02 L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K, chức vụ: Chủ tịch HĐQTV- Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Phước L, Chức vụ giám đốc Ngân hàng N và Chi nhánh quận S Đà Nẵng theo văn bản ủy quyền số 510/QĐ-HĐTV-PC ngày 19/6/2014. Ngày 31/7/2017, ông Lê Phước L ủy quyền lại cho ông Hoàng Văn P, chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch An H – Chi nhánh quận S Đà Nẵng theo giấy ủy quyền số 01/2017/UQ – NHN₀STr. *Có mặt.*

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn G**, sinh năm 1979; địa chỉ: Căn hộ 110, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng. *Vắng mặt lần thứ 02 không có lý do.*

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Trong đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 22/9/2017 và quá trình tố tụng tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Hoàng Văn P trình bày:*

Vào ngày 19/11/2015, Chi nhánh Ngân hàng N quận S Đà Nẵng – Phòng Giao dịch A đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 19112015/HĐTD cho ông Nguyễn Văn G vay số tiền: 100.000.000 đồng, với lãi suất 9,90%/năm. Thời hạn vay: 60 tháng, ngày giải ngân: 19/11/2015, ngày đến hạn cuối cùng: 19/11/2021. Mục đích: Tiêu dùng đời sống, cụ thể là mua xe máy. Tài sản đảm bảo tiền vay: Vay tín chấp.

Theo nội dung thỏa thuận trên hợp đồng thì ông Nguyễn Văn G phải thanh toán theo định kỳ gốc và lãi hàng tháng. Tính đến ngày khởi kiện, ông G đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền: 22.868.312 đồng. Trong đó: Nợ gốc 13.110.000 đồng, nợ lãi: 9.758.312 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông G đã vi phạm các nội dung đã cam kết, trả nợ vay không đúng hạn, để phát sinh nợ quá hạn, nợ xấu làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Chi nhánh Ngân hàng N quận S Đà Nẵng – Phòng Giao dịch A. Tính đến ngày 31/3/2017, ông G còn có nghĩa vụ phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền: 93.453.250 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 86.890.000 đồng, nợ lãi: 6.563.250 đồng.

Mặc dù Chi nhánh Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, làm việc trực tiếp nhưng ông G vẫn cố tình vi phạm, không trả nợ theo cam kết trên hợp đồng giữa hai bên.

Nay Ngân hàng N quận S Đà Nẵng – Phòng Giao dịch A khởi kiện đề nghị Tòa án xem xét buộc ông Nguyễn Văn G phải thanh toán dứt điểm toàn bộ số tiền nợ gốc và nợ lãi phát sinh tính đến ngày xét xử: 22/01/2018 là: 98.204.346 đồng (*Chín mươi tám triệu hai trăm lẻ bốn ngàn ba trăm bốn mươi sáu đồng*), trong đó nợ gốc: 86.890.000 đồng; nợ lãi: 11.314.347 đồng.

**** Bị đơn ông Nguyễn Văn G đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không đến nên không có lời khai của ông G trong hồ sơ vụ án và không có ý kiến phản hồi gì liên quan đến chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cũng như ý kiến về việc có hay không yêu cầu phản tố.***

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

(1). Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam với ông Nguyễn Văn G thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ông Nguyễn Văn G (là bị đơn trong vụ án, không có yêu cầu phản tố) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt ông G.

(2). Về nội dung vụ án:

Vào ngày 19/11/2015, Chi nhánh Ngân hàng N quận S Đà Nẵng – Phòng Giao dịch A đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 19112015/HĐTD cho ông Nguyễn Văn G vay số tiền: 100.000.000 đồng, với lãi suất 9,90%/năm. Thời hạn vay: 60 tháng, ngày giải ngân: 19/11/2015, ngày đến hạn cuối cùng: 19/11/2021. Mục đích: Tiêu dùng đời sống, cụ thể là mua xe máy. Tài sản đảm bảo tiền vay: Vay tín chấp. Theo nội dung thỏa thuận trên hợp đồng thì ông Nguyễn Văn G phải thanh toán

theo định kỳ gốc và lãi hàng tháng. Tính đến ngày khởi kiện, ông G đã thanh toán cho Chi nhánh Ngân hàng số tiền: 22.868.312 đồng. Trong đó: Nợ gốc 13.110.000 đồng, nợ lãi: 9.758.312 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông G đã vi phạm các nội dung đã cam kết, trả nợ vay không đúng hạn, để phát sinh nợ quá hạn, nợ xấu làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Chi nhánh Ngân hàng N quận S Đà Nẵng – Phòng Giao dịch A.

Tính đến ngày 22/01/2018, ông G còn nợ Ngân hàng số tiền: 98.204.346 đồng (*Chín mươi tám triệu hai trăm lẻ bốn ngàn ba trăm bốn mươi sáu đồng*), trong đó nợ gốc: 86.890.000 đồng; nợ lãi: 11.314.347 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng tín dụng số 19112015/HĐTD ngày 19/11/2015, được ký kết giữa Chi nhánh Ngân hàng N quận S Đà Nẵng – Phòng Giao dịch A với ông Nguyễn Văn G trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức nên được thừa nhận và bảo vệ. Các bên tham gia trong giao dịch này có mọi quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký kết nói trên.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Nguyễn Văn G đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả lãi và gốc, vi phạm định kỳ trả nợ, vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký kết. Phía Ngân hàng đã nhiều lần làm việc để yêu cầu ông G thanh toán nợ nhưng đến nay ông G chỉ thanh toán được 22.868.312 đồng, trong đó: nợ gốc 13.110.000 đồng, nợ lãi: 9.758.312 đồng. HĐXX xét thấy ông G đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, là bên có lỗi trong việc thực hiện các thỏa thuận đã ký kết trong hợp đồng tín dụng. Việc khởi kiện của Ngân hàng N yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn G phải trả số tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng là phù hợp với khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 471 và 474 của Bộ luật dân sự năm 2005 và án lệ số 08/2016/AL ngày 17/10/2016 nên cần được chấp nhận.

(3). Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn là Ngân hàng N được chấp nhận nên bị đơn ông Nguyễn Văn G phải chịu án phí theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Cụ thể số tiền ông Nguyễn Văn G phải chịu là $(98.204.346 \text{ đồng} \times 5\%) = 4.910.217 \text{ đồng}$.

Hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền đã nộp tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Án lệ số 08/2016/AL ngày 17/10/2016;
- Điều 471, 474 của Bộ luật dân sự năm 2005;
- Khoản 2 Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" của Ngân hàng N đối với ông Nguyễn Văn G.

Xử:

1. Buộc ông Nguyễn Văn G phải trả cho Ngân hàng N số tiền 98.204.346 đồng (*Chín mươi tám triệu hai trăm lẻ bốn ngàn ba trăm bốn mươi sáu đồng*), trong đó nợ gốc: 86.890.000 đồng; nợ lãi: 11.314.347 đồng (lãi tạm tính đến ngày 22/01/2018) và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 23/01/2018 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất (trong hạn, quá hạn) do các bên đã thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng số 19112015/HĐTD ngày 19/11/2015.

2. Án phí DS- ST: 4.910.217 đồng (*Bốn triệu chín trăm mười ngàn hai trăm mười bảy đồng*) ông Nguyễn Văn G phải chịu.

Hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền 4.672.662 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 1950 ngày 05/10/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- Đương sự;
- Viện KSND quận S;
- Chi cục THADS quận S;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Thị Đông Thanh

